

CÔNG TY TNHH DAIWA PLASTIC THĂNG LONG

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Của Dự án: "NHÀ MÁY DAIWA PLASTIC THĂNG LONG"

(Báo cáo đã chỉnh sửa và bổ sung theo kết luận của Đoàn kiểm tra)

Hà Nội, năm 2014

**CÔNG TY TNHH DAIWA
PLASTICS THĂNG LONG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2014

V/v đề nghị kiểm tra xác nhận các công
trình, biện pháp bảo vệ môi trường
phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của Dự án “Nhà máy Daiwa plastics Thăng Long”

1. Địa điểm thực hiện dự án

Lô K8, Khu Công Nghiệp Thăng Long, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà
Nội

2. Chủ dự án

- Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
- Địa chỉ liên hệ: Lô K8, Khu Công Nghiệp Thăng Long, Huyện Đông Anh,
Thành phố Hà nội
- Điện thoại: 84 - 04 -38813888/38813999
- Fax: 84 - 04 – 38813900

Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long do ông Haruhiko Obitani đại
diện, chức vụ Tổng giám đốc, có trụ sở đặt tại KCN Thăng Long, Huyện Đông
Anh, thành phố Hà Nội (*Hợp đồng thuê đất giữa Công ty Khu công nghiệp
Thăng Long và Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long được trình bày trong
phần phụ lục 1.3 của báo cáo*). Công ty hoạt động chính thức kể từ ngày
05/08/2004 với lĩnh vực sản xuất chủ yếu là : sản xuất, gia công và lắp ráp các
chi tiết nhựa cao cấp phục vụ cho ngành công nghiệp điện tử, xe máy, ô tô, thiết
bị vệ sinh và các ngành công nghiệp khác(*Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh
lần 1 ngày 06/01/2010 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội
cấp được trình bày trong phần phụ lục của báo cáo*).

*** Tình hình hoạt động của cơ sở:**

STT	Tên nguyên, phụ liệu	Khối lượng(Kg/ năm)
I.	Nguyên Liệu	
1	Nhựa ABS	1110096
2	Nhựa PSHI	1826337
3	Nhựa PP	1203130
4	Nhựa Atech 1180	1938631
5	Nhựa PVC	465
6	Nhựa PA	103050
7	Nhựa POM	3306
8	Nhựa PMMA	7047
9	Nhựa FMS	99366
10	Nhựa PC	414
11	Nhựa PPT	2780
12	Các loại nguyên liệu khác.....	
II.	Phụ liệu	
1	Peli Coat S3-5 (Silicol)	280
2	JA 960	2.5
3	Supplle Mist	1209
4	GP Clearn C-Y	720
5	NS 1001 Grease	2

STT	Tên nguyên, phụ liệu	Khối lượng(Kg/ năm)
6	LS EP0, 2	
7	Oil Hyd HLP – Z46	5000
8	Eazy 40 450ml	195
9	Cồn công nghiệp	60
10	Và 1 số các chất phụ trợ khác.....	

c, Nhu cầu sử dụng điện nước

Nhu cầu về tiêu thụ điện

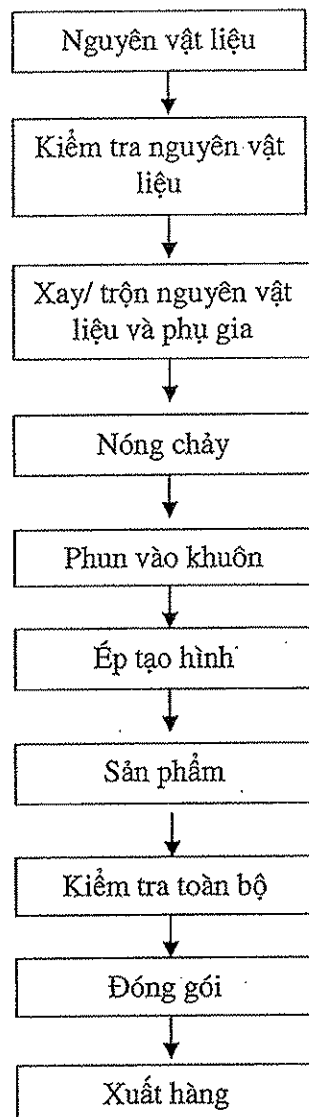
Nguồn cung cấp điện cho công ty được lấy từ trạm biến thế Đông Anh. Nhu cầu điện của công ty tính tương đối khoảng 30.000kw/ngày đến 35.000kw/ngày.

Nhu cầu về tiêu thụ nước

Tổng khối lượng nước sử dụng cho quá trình hoạt động hiện nay của công ty ước tính trung bình 80~100m³/ngày. Nguồn nước đầu vào được cung cấp bởi Công ty TNHH khu công nghiệp Thăng Long bằng các đường ống dẫn làm bằng thép dẻo đi ngầm dưới lòng đất.

d, Công nghệ sản xuất

Quy trình sản xuất tại Nhà máy được mô tả tóm tắt qua sơ đồ sau:



*** Công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua:**

Công ty luôn nghiêm túc thực hiện các quy định về công tác bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

Trước khi bắt đầu đi vào hoạt động công ty đã thực hiện việc Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và đã được cấp Phiếu xác nhận. Bản Đăng ký đạt Tiêu chuẩn Môi trường số 359/BTNMT-TĐ cấp ngày 30/09/2004.

Đến năm 2010, trước khi mở rộng quy mô nhà máy (Xây dựng thêm nhà kho trong tổng diện tích đất đã thuê của KCN) công ty đã Lập Bản cam kết Bảo vệ môi trường bổ sung và được Ban quản lý các KCN và Chế xuất Hà nội cấp Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết Bảo vệ môi trường bổ sung số: 105/GXN-BQL, ngày 29/01/2010. Tuy nhiên, theo kết luận thanh tra số 347/KL-STNMT-ĐKT ngày

14/5/2012 việc Ban quản lý các KCN và Chế xuất Hà nội cấp Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết Bảo vệ môi trường bổ sung số: 105/GXN-BQL, ngày 29/01/2010 cho dự án mở rộng nhà máy nhựa công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long là không đúng thẩm quyền và yêu cầu công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung theo quy định hiện hành.

Hiện nay các chất thải rắn (Bao gồm cả chất thải thông thường và chất thải nguy hại) đều được công ty thu gom, lưu giữ, phân loại theo đúng thông tư số: 12/2011/TT-BTNMT, ban hành ngày 14/04/2011 Quy định về quản lý chất thải nguy hại và theo Nghị định số 59/2007/NĐ – CP, ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Công ty đã được sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp giấy chứng nhận chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 01.000013.T (Cấp lần 3) ngày 02 tháng 05 năm 2012.

Công ty đã ký hợp đồng số 0000082/HĐCN ngày 01/03/2013 với công ty CP MTĐT&CN 10 - URENCO 10 về việc vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp; ký hợp đồng số 140207/HĐ-VĐ ngày 13 tháng 02 năm 2014 với Công ty TNHH Văn Đạo về việc thu gom xử lý chất thải nguy hại.

Công ty đã thực hiện đầy đủ việc quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/ năm

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất, đấu nối hạ tầng và xử lý nước thải với TLIP. Do đó khi xử lý nước thải đạt yêu cầu của TLIP sẽ được xả ra hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đã được thực hiện

3.1. Các công trình, biện pháp xử lý nước thải

3.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải, thoát nước

3.1.1.1. Hệ thống thu gom nước mặt

- Nguồn gốc: Nước mưa cuốn theo cát, bụi lắng trên mái nhà, sân bãi, đường giao thông...

- Lưu lượng: 30.255,4 m³/năm với hàm lượng các chất rắn lơ lửng từ 400 – 1.800 mg/l trong mùa mưa.

- Chức năng: Thu gom và tiêu thoát toàn bộ nước mưa và nước trên bề mặt khuôn viên trong khu vực Nhà máy.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bao gồm máng dẫn nước, ống đứng, rãnh thoát nước xây có nắp đan, rãnh hở và được thoát ra bên ngoài theo

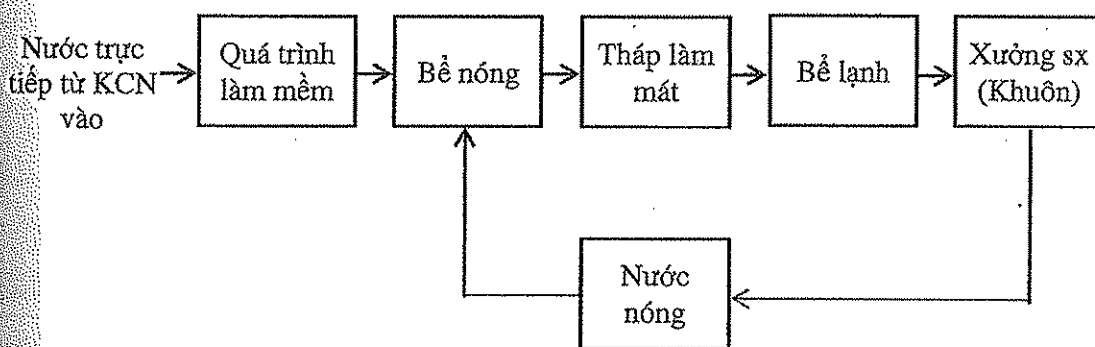
hệ thống thoát nước chung của khu vực. Máng dẫn nước được làm bằng bê tông, bố trí xung quanh nhà máy. Tại đầu các ống đứng có lắp đặt các phễu thu và lưới chắn để giữ lại rác, lá cây, cặn bẩn... tránh làm tắc ống.

- Tại Nhà máy Daiwa plastics Thăng Long đã xây dựng cống rãnh bằng bê tông với tổng chiều dài khoảng gần 1.000 mét dọc theo các nhà xưởng và tường rào để thu gom nước mưa. Dọc theo hệ thống cống rãnh Nhà máy đã xây dựng các hõga để thu gom các chất rắn lơ lửng sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa của KCN. Có 1 điểm đầu nối với KCN nằm ở gần khu vực nhà bảo vệ của Công ty.

3.1.1.2. Hệ thống thu gom nước thải sản xuất

- Trong quá trình sản xuất, nhà máy không làm phát sinh nước thải, lượng nước thất thoát trong quá trình làm mát sẽ được bổ sung trong mỗi chu kỳ. Nhu cầu nước bổ sung làm mát của nhà máy khoảng 3 – 5 m³/tháng.

- Chu trình tuần hoàn của nước được mô tả sơ lược trong sơ đồ dưới đây:



- Thuyết minh nguyên lý làm việc:

Nước trực tiếp từ KCN vào các bình cation để làm mềm nước → Nước sau khi làm mềm được đổ vào bể nóng để hòa chung với nước hồi tuần hoàn từ xưởng sản xuất → Các Bơm tháp hút nước hồi tại bể nóng đẩy lên tháp để làm giảm nhiệt độ nước trước khi đẩy vào xưởng sản xuất → Nhiệt độ sau khi làm mát giảm xuống được khoảng 5-10 độ so với nhiệt độ nước tại bể nóng → Nước được đổ vào bể lạnh → Các bơm đẩy hút nước đẩy vào xưởng sản xuất để làm mát cho khuôn. Sau quá trình nước vào khuôn, nhiệt độ khuôn giảm và nhiệt nước tăng lên thì nước lại được hồi về bể nóng. Chu trình đó cứ lặp lại tuần hoàn theo 1 vòng khép kín.

Nước thải sản xuất tại cơ sở được tuần hoàn tái sử dụng, lượng nước thất thoát sẽ được bổ sung và không thải ra ngoài.

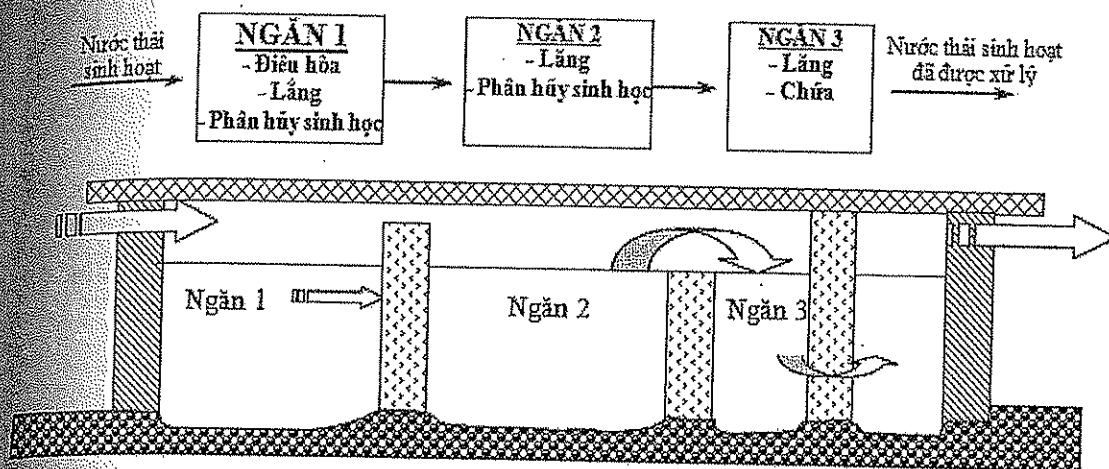
3.1.1.3. Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

- Nguồn gốc: xuất phát từ khu văn phòng, khu nhà xưởng và khu nhà ăn của công ty.
- Lưu lượng: $80 \text{ m}^3/\text{ngày}$
- Chức năng: thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nhà bếp, nhà bảo vệ dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy (2 bể tự hoại ba ngăn). Nước sau xử lý sẽ được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Thăng Long sau đó đưa về trạm xử lý tập trung.

3.1.2. Các công trình xử lý nước thải đã được xây lắp

3.1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Chức năng: Thu gom nước thải sinh hoạt, xử lý bằng hệ thống bể tự hoại ba ngăn tự hoại và hố ga lắng lọc trước khi dẫn vào hệ thống đường ống thoát nước và trạm xử lý tập trung của Khu công nghiệp.
- Thiết kế: gồm 2 bể tự hoại ba ngăn thể tích mỗi bể là 80 m^3
- Bẫy mỡ được xây dựng gần nhà bếp Công ty nhằm giảm hàm lượng chất béo trong nước thải trước khi xử lý. Bẫy mỡ hoạt động dựa trên nguyên lý khác nhau về trọng lượng của nước, mỡ và chất thải rắn, được thiết kế để lọc, tách mỡ, chất béo và chất thải rắn, giữ lại trong hộp bẫy trong khi nước tiếp tục thoát ra khỏi hộp và chảy vào hệ thống thoát. Mỡ, chất béo và chất thải rắn được giữ lại trong hộp bẫy và được làm vệ sinh, lấy ra ngoài theo định kỳ.
- Hệ thống đường ống thoát nước bằng cống ngầm bao gồm 20 hố ga và đường ống dẫn nước thải bằng vật liệu PVC với tổng chiều dài khoảng 400m. Có 01 điểm đầu nối với hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp nằm gần cổng chính của Công ty.

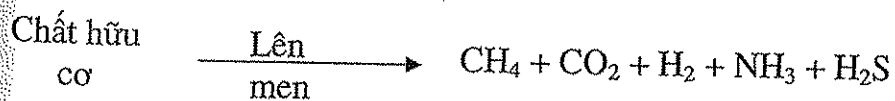


Thuyết minh nguyên lý làm việc:

Nước thải từ bể xí, chậu tiểu được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí (*yếm khí*) sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua ngăn lắng 1 sẽ tiếp tục qua ngăn lắng 2 và 3 trước khi thải ra ngoài, đảm bảo hiệu quả xử lý cao. Nước thải ra ngoài được đấu nối với hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp Thăng Long sau đó được dẫn về trạm xử lý tập trung (có 1 điểm đấu nối với khu công nghiệp ở gần công ra vào Nhà máy).

Quá trình yếm khí xảy ra tại bể:

Các hệ thống yếm khí ứng dụng khả năng phân hủy chất hữu cơ của vi sinh vật trong điều kiện không có oxy. Quá trình phân hủy yếm khí chất hữu cơ rất phức tạp liên hệ đến hàng trăm phản ứng và sản phẩm trung gian. Tuy nhiên, có thể biểu diễn đơn giản chúng bằng các sản phẩm của quá trình phản ứng như sau:



Hỗn hợp khí sinh ra thường gọi là khí sinh học hay biogas. Thành phần của biogas như sau:

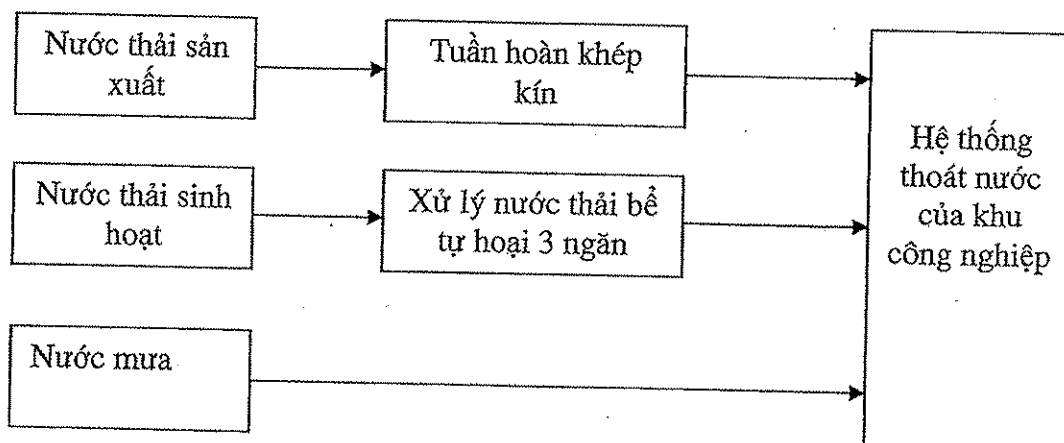
Methane (CH_4)	55 – 65%
Carbon dioxide (CO_2)	35 – 45%
Nitrogen (N_2)	0 – 3%
Hydrogen (H_2)	0 – 1%
Hydrogen Sulphide (H_2S)	0 – 1%

Quá trình phân hủy yếm khí được chia thành 3 giai đoạn chính như sau:

1. Phân hủy các chất hữu cơ cao phân tử (thủy phân và lên men)
2. Tạo nên các axit (axit acetic, H_2)
3. Tạo CH_4

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn cùng với nước thải rửa tay công nhân và nước thoát sàn, nước mưa chảy tràn sau khi qua song chắn rác được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hiệu suất xử lý đạt 80% của hệ thống.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải:



3.1.3. Kết quả vận hành công trình xử lý nước thải

Để đánh giá quá trình vận hành công trình xử lý nước thải tại Nhà máy, Công ty đã ký hợp đồng thuê đơn vị có đủ chức năng để thực hiện quan trắc môi trường.

a. Cơ quan lấy mẫu và phân tích

Tên đơn vị phân tích: Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1

Địa chỉ liên hệ: Số 8, Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (+84)(4) 38361399

Fax: (+84)(4) 38361199

b. Thời gian tiến hành lấy mẫu

Tiến hành lấy mẫu vào thời gian bất kỳ trong ngày (tại thời điểm nhà máy đang vận hành bình thường).

- Định kỳ quan trắc môi trường nước thải: 1 tháng/ lần.

Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 đã tiến hành lấy mẫu tại hiện trường và phân tích các chỉ tiêu theo kế hoạch. Kết quả quan trắc nước thải trong 3 tháng gần đây:

- Lần 1: ngày 05/11/2013
- Lần 2: ngày 07/01/2014
- Lần 3: ngày 11/02/2014

c. Quy trình tiến hành lấy mẫu và phương pháp lấy mẫu và phân tích

+ Chuẩn bị lấy mẫu: Trước khi tiến hành quan trắc cần thực hiện công tác chuẩn bị như sau:

a) Chuẩn bị tài liệu, các bản đồ, sơ đồ, thông tin chung về khu vực định lấy mẫu;

b) Theo dõi điều kiện khí hậu, diễn biến thời tiết;

c) Chuẩn bị các dụng cụ, thiết bị cần thiết; kiểm tra, vệ sinh và hiệu chuẩn các thiết bị và dụng cụ lấy mẫu, đo, thử trước khi ra hiện trường;

d) Chuẩn bị hoá chất, vật tư, dụng cụ phục vụ lấy mẫu và bảo quản mẫu;

đ) Chuẩn bị nhãn mẫu, các biểu mẫu, nhật ký quan trắc và phân tích theo quy định;

e) Chuẩn bị các phương tiện phục vụ hoạt động lấy mẫu và vận chuyển mẫu;

g) Chuẩn bị các thiết bị bảo hộ, bảo đảm an toàn lao động;

h) Chuẩn bị kinh phí và nhân lực quan trắc;

i) Chuẩn bị cơ sở lưu trú cho các cán bộ công tác dài ngày;

k) Chuẩn bị các tài liệu, biểu mẫu có liên quan khác.

+ Phương pháp lấy mẫu và phân tích

Mẫu nước được lấy và bảo quản theo các tiêu chuẩn Việt Nam như: TCVN 5992:1995 (ISO 5667/2:1991); TCVN 5993:1995 (ISO 5667/3:1985), TCVN 4556-88, TCVN 5999:1995 (ISO 5667/10:1992)...

Mẫu nước được đưa về phòng thí nghiệm và được phân tích theo một số tiêu chuẩn Việt Nam như sau: TCVN 6492 – 2011, TCVN 6185 – 96, TCVN 6001 – 2008, TCVN 6494 – 2011, TCVN 6638 – 2000, ISO 9308/2 – 90, EPA 6020, EPA 365.3,...

d. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

Kết quả quan trắc môi trường qua 03 tháng gần nhất được thể hiện cụ thể như sau:

Kết quả phân tích nước thải tại điểm xả

Lần 1: ngày 05/11/2013

Lần 2: ngày 07/01/2014

Lần 3: ngày 11/02/2014

Chỉ tiêu phân tích	Lần lấy mẫu			Tiêu chuẩn TLIP
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	
Temperature (°C)	28	22	17	40
pH	8,20	8,31	8,44	6 – 9
Color (PtCo)	10	5	5	50
COD (mg/l)	26	42	18	<350
BOD ₅ (mg/l)	16	25	13	<240
TSS (mg/l)	18	11	12	<200
As (mg/l)	0,01	0,03	0,02	0,045

Chỉ tiêu phân tích	Lần lấy mẫu			Tiêu chuẩn TLIP
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	
Hg (mg/l)	KPH(<0,001)	KPH(<0,001)	KPH(<0,001)	0,0045
Cd (mg/l)	KPH(<0,001)	KPH(<0,001)	KPH(<0,001)	0,045
Pb (mg/l)	KPH(<0,001)	0,01	0,002	0,09
Cr(VI) (mg/l)	KPH(<0,02)	KPH(<0,02)	KPH(<0,02)	0,045
Cr(III) (mg/l)	KPH(<0,05)	KPH(<0,05)	KPH(<0,05)	0,18
Cu (mg/l)	KPH(<0,05)	0,07	0,06	1,8
Zn (mg/l)	KPH(<0,05)	0,11	0,08	2,7
Mn (mg/l)	KPH(<0,05)	KPH(<0,05)	KPH(<0,05)	0,45
Ni (mg/l)	KPH(<0,05)	KPH(<0,05)	KPH(<0,05)	0,18
Fe (mg/l)	KPH(<0,05)	0,05	0,09	0,9
CN ⁻ (mg/l)	0,001	0,001	KPH(<0,01)	0,063
Phenol (mg/l)	0,001	0,001	KPH(<0,01)	0,09
Mineral grease and oil (mg/l)	0,8	0,8	0,6	4,5
Residual chlorine (mg/l)	KPH(<0,5)	KPH(<0,5)	KPH(<0,5)	0,9
PCBs (mg/l)	KPH(<10 ⁻⁴)	KPH(<10 ⁻⁴)	KPH(<10 ⁻⁴)	0,0027
Pesticide: organic phosphorous (mg/l)	KPH(<10 ⁻⁴)	KPH(<10 ⁻⁴)	KPH(<10 ⁻⁴)	0,27

Chỉ tiêu phân tích	Lần lấy mẫu			Tiêu chuẩn TLIP
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	
Pesticide: organic chlorine (mg/l)	KPH(<10 ⁻⁵)	KPH(<10 ⁻⁵)	KPH(<10 ⁻⁵)	0,045
S ²⁻ (mg/l)	KPH(<0,05)	KPH(<0,05)	KPH(<0,05)	0,18
F ⁻ (mg/l)	KPH(<0,5)	KPH(<0,5)	KPH(<0,5)	4,5
Cl ⁻ (mg/l)	1,6	0,4	0,7	450
NH ₄ ⁺ -N (mg/l)	KPH(<0,05)	0,2	0,8	4,5
Total P (mg/l)	0,11	0,02	0,05	<5
Total N (mg/l)	KPH(<0,5)	<0,5	3,8	<40
Alpha gross activity * (Bq/l)	KPH(<0,005)	<0,005	<0,005	0,09
Beta gross activity * (Bq/l)	0,29	0,27	0,29	0,9
Total coliform (MPN/100m)	920	920	920	<10 ⁹

Nhận xét: Từ bảng kết quả cho thấy, trong cả 3 đợt lấy mẫu và phân tích, tất cả các kết quả đo được đều nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn TLIP trước khi được dẫn vào trạm xử lý tập trung của khu công nghiệp Thăng Long. Nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn

3.2.1. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn

- Nguồn gốc: khí thải, tiếng ồn từ các quá trình vận hành của nhà máy như: NO_x , CO_2 , CO , SO_2 , bụi....

- Biện pháp giảm thiểu: Hiện tại, nhà máy được trang bị 68 chiếc quạt thông gió, 81 quạt treo tường và 40 chiếc điều hòa không khí đảm bảo cho nhu cầu thông gió, giảm nhiệt độ trong khu vực sản xuất.

Một số biện pháp khác như:

- Xây dựng các cửa sổ nhằm đảm bảo thông thoáng trong khu vực nhà xưởng, tạo nguồn ánh sáng tự nhiên.

- Tại một số bộ phận sản xuất có phát sinh nhiều bụi và hơi khí độc hại, công nhân sẽ được trang bị khẩu trang đầy đủ khi làm việc; chống bụi phát tán bằng quét dọn, lau nhà xưởng và làm sạch nguyên liệu.

3.2.2. Kết quả vận hành công trình xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn

Để đánh giá quá trình vận hành công trình xử lý khí thải tại cơ sở, Công ty đã ký hợp đồng thuê đơn vị có đủ chức năng để thực hiện quan trắc môi trường.

a. Cơ quan lấy mẫu và phân tích

- Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1

Địa chỉ liên hệ: Số 8, Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

b. Thời gian tiến hành lấy mẫu

- Tiến hành lấy mẫu vào thời gian bất kỳ trong ngày (tại thời điểm nhà máy đang vận hành bình thường).

- Định kỳ quan trắc môi trường không khí: 6 tháng/ lần.

Quá trình lấy mẫu sẽ được tiến hành lấy tại các vị trí đã qui định trong nhà máy.

- Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 đã tiến hành thực hiện lấy mẫu tại hiện trường và phân tích các chỉ tiêu theo định kỳ năm 2013 như sau:

- Lần 1: ngày lấy mẫu 10/05/2013

- Lần 2: ngày lấy mẫu 08/11/2013

c. Quy trình tiến hành lấy mẫu và phương pháp lấy mẫu và phân tích

+ Chuẩn bị lấy mẫu

Người thực hiện lấy mẫu phải chuẩn bị đầy đủ và sẵn sàng các vật dụng, thiết bị, phương tiện chuyên dụng dùng cho quá trình quan trắc môi trường tương ứng với mẫu khí thải

Theo dõi quá trình vận hành các hệ thống thiết bị để xác định thời điểm lấy và thu mẫu.

+ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

Đo các chỉ số vi khí hậu, tiếng ồn, bụi hơi độc tại các vị trí theo thường quy kỹ thuật Viện Y học lao động & Vệ sinh môi trường – Sức khỏe trường học năm 2002.

d. Kết quả quan trắc môi trường không khí

- Kết quả phân tích Không khí trong môi trường sản xuất:

Thông số	Line A		Line B		Line C		Line D		QĐ 3733/2002/ QĐ-BYT
	L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2	
Nhiệt độ (°C)	31,9	29,2	31,9	27,8	32,0	27,4	32,0	28,5	32
Độ ẩm (%)	72,3	68,5	70,3	70,5	70,1	72	70,3	70,5	80
Tốc độ viento (m/s)	0,8	0,4	1,1	0,4	1,8	<0,4	1,2	0,6	1.5
Hàm lượng bụi (mg/m³)	0,76	0,21	0,90	0,19	0,85	0,23	0,89	0,24	8
Áp suất (BA)	83,6	80,5	84,3	85,5	82,4	80,7	82,9	84,3	85
Hàm lượng khí (mg/m³)	1,89	1,55	1,6	1,79	1,56	1,73	1,74	1,67	40
Hàm lượng khí (mg/m³)	0,081	0,075	0,077	0,082	0,075	0,079	0,081	0,077	10

NO ₂ (mg/m ³)	0,073	0,053	0,062	0,056	0,062	0,053	0,069	0,50	10
THC (mg/m ³)	0,92	0,55	0,92	0,49	0,96	0,55	1,05	0,49	-
HCL (mg/m ³)	0,30	0,8	0,50	0,6	0,60	0,5	0,50	0,3	7.5
CO ₂ (mg/m ³)	319	367	387	356	358	345	319	334	1800

Nhận xét: Kết quả phân tích không khí môi trường sản xuất tại Nhà máy Daiwa Plastics Thăng Long cho thấy:

- + Các yếu tố vi khí hậu: thay đổi phụ thuộc vào thời tiết trong năm.
- + Các thông số về bụi, khí thải, tiếng ồn đo được tại tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- Kết quả phân tích môi trường không khí xung quanh:

Thông số	Công công ty		Cuối công ty		QCVN 05:20013/BTNMT
	L1	L2	L1	L2	
SO ₂ (mg/m ³)	0,054	0,036	0,057	0,035	≤0.35
NO ₂ (mg/m ³)	0,040	0,023	0,043	0,020	≤0.2
CO (mg/m ³)	0,76	0,98	0,82	1,08	≤30
HCL (mg/m ³)	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	-
H ₂ S (mg/m ³)	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	≤0.042*
THC (mg/m ³)	0,80	0,06	0,57	0,06	≤5*
Bụi (mg/m ³)	0,21	0,06	0,25	0,07	≤0.3

Thông số	Cổng công ty		Cuối công ty		QCVN 05:20013/BTNMT
	L1	L2	L1	L2	
Ôn (dBA)	69,3	54,2	69,6	69,8	≤70**

Nhận xét: Từ bảng kết quả cho thấy, trong cả 3 đợt lấy mẫu và phân tích, tất cả các kết quả đo được đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT về một số chất độc hại trong không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn.

- Kết quả phân tích khí thải tại đầu ra của quạt hút:

Thông số	Quạt hút phía Bắc		Quạt hút phía Nam		QCVN 19:2009/ BTNMT/A
	L1	L2	L1	L2	
SO ₂ (mg/m ³)	<5	4,6	<5	4,7	≤1500
NO ₂ (mg/m ³)	<5	4,2	<5	4,1	≤1000
CO (mg/m ³)	36	14	38	12	≤1000
Bụi (mg/m ³)	40	6,0	48	5,0	≤400
H ₂ S (mg/m ³)	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	≤7,5
HCL (mg/m ³)	8,4	6,7	9,6	7,1	≤200
THC (mg/m ³)	1,37	1,08	1,42	1,16	-

Nhận xét: Từ bảng kết quả cho thấy, trong cả 2 đợt lấy mẫu và phân tích, tất cả các kết quả đo được đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Kết quả phân tích tiếng ồn:

Vị trí	Đơn vị	Lần 1	Lần 2	QĐ 3733/2002/ QĐ-BYT
Kho hàng	dB	71,5	72,1	85
Phòng tái chế	dB	103,4	102,3	85
Phòng bảo dưỡng	dB	68,8	74,2	85
Văn phòng	dB	60,2	63,8	85

Nhận xét: Từ bảng kết quả cho thấy, trong cả 2 đợt lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ vị trí phòng tái chế thì tất cả các kết quả đo được đều nằm trong giới hạn cho phép của Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động. Tuy nhiên, Công ty đã trang bị đầy đủ nút tại chống ồn cho công nhân làm việc tại Phòng tái chế là nơi có tiếng ồn vượt quá giới hạn cho phép nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn tới sức khỏe người lao động.

3.3. Các công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Các nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường

Nguồn chất thải rắn thông thường của công ty phát sinh từ các nguồn chính như sau:

- + Rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu văn phòng, nhà bếp...
- + Bao bì nguyên vật liệu, nguyên liệu phế phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất
- + Gỗ từ các bao bì, giá đỡ nguyên liệu.
- Khối lượng:
- + Giấy, bìa carton: 28.699 kg/năm
- + Nhựa, phế phẩm, nilon: 117.192 kg/năm
- + Gỗ: 34.564 kg/năm
- + Rác thải sinh hoạt: 236.377 kg/năm

3.3.2. Các công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chức năng: Quản lý và kiểm soát toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở

b. Quy mô: Áp dụng cho tất cả các khu vực của Nhà máy.

c. Thiết kế:

Lắp đặt các thùng rác dọc theo các tuyến đường nội bộ của nhà máy và trong các xưởng sản xuất. Hiện tại toàn bộ nhà máy đã được trang bị 10 chiếc thùng composis thể tích 120 lít và 200 chiếc sọt rác nhựa để chứa chất thải sinh hoạt. Ngoài ra, nhà máy còn trang bị thêm 6 xe chứa rác trong khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt.

Xây dựng Khu vực lưu giữ chất thải riêng biệt:

- + Khu vực chứa chất thải sinh hoạt: 20m²
- + Khu vực chứa chất thải tái chế: contener
- + Khu vực chứa chất thải nguy hại: 19,27 m²

d. Quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường

- Rác thải sinh hoạt, sản xuất (phải xử lý): Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải với Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 10-Ureenco 10 với tần suất 6lần/tuần theo hợp đồng số 0000082/2013/HĐCNDT ngày 01/03/2013

- Đối với chất thải trong bể tự hoại ba ngăn, Công ty đã ký hợp đồng nạo vét, vận chuyển, xử lý với Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Thương mại Thăng Long theo hợp đồng số 129/HĐ ngày 15/03/2011 với tần suất 2 lần/năm.

- Rác thải sản xuất (có thể tái chế): Giấy, bìa, nhựa phế phẩm có thể tái sử dụng được để riêng để bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Công ty đã ký hợp đồng số 06/13/HĐKT-MTURE11 ngày 16/08/2013 với đơn vị thu mua phế liệu là Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11

Việc quản lý chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của công ty đảm bảo được quản lý tuân thủ theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về Quản lý chất thải rắn; Quyết định số 16 /2013/QĐ-UBND ngày

2013 của UBND TP. Hà Nội về việc quản lý chất thải rắn thông thường
địa bàn thành phố.

Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

1. Nguồn gốc, khối lượng chất thải nguy hại

Nguồn gốc: phát sinh từ quá trình sản xuất gồm dầu thải, bao bì chứa hoá
Bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy....

Khối lượng: 11.235 kg/năm

2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

Chức năng: Quản lý và kiểm soát toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh
tại cơ sở

Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho toàn Nhà máy

Thiết kế:

Trang bị các thùng chứa rác nguy hại đặt tại khu vực xưởng sản xuất:

Thùng composis 120 lít: 13 chiếc

Thùng composis 100 lít: 13 chiếc

Đặt các thùng chứa chất thải nguy hại tại kho chứa rác:

Thùng composis 250 lít: 11 chiếc

Thùng composis 120 lít: 6 chiếc

Quản lý và xử lý chất thải nguy hại

Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long đã tiến hành thực hiện các
công tác quản lý CTNH theo đúng bản Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được
thẩm duyệt của dự án, cụ thể:

Đã thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và được Sở Tài
nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
(lần 3) có mã số QLCTNH: 01.000013.T (cấp lần 3) ngày 02 tháng 05 năm
2012.

Lượng chất thải nguy hại đăng ký là 18.520 kg/năm (Số đăng ký chủ
nguồn chất thải nguy hại được trình bày trong phần phụ lục của báo cáo).

Chất thải nguy hại tại Công ty bao gồm các loại sau đây:

Loại chất thải		Khối lượng (kg/năm)	Mã số	Phương pháp xử lý	Đơn vị xử lý
Rác thải nguy hại	Pin, ắc quy thải	5	16 01 12	Xử lý hóa học(Trung hòa) làm sạch, tái chế thu hồi chì, chất điện phân từ pin chôn lấp trong hầm chôn lấp	Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 10- Urenco 10.
	Bóng đèn huỳnh quang thải	150	16 01 06	Lưu huỳnh hóa và chôn lấp có kiểm soát trong hầm chôn lấp	
	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	9600	18 02 01	Tiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	
	Bao bì cứng thải bằng kim loại (Thùng, hộp chứa hóa chất)	900	18 01 02	Tiêu hủy tại lò đốt, tro xỉ hóa rắn	
	Bao bì cứng thải bằng nhựa(Thùng, hộp chứa hóa	240	18 01 03	Tiêu hủy tại lò đốt, tro xỉ hóa rắn	

Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã số	Phương pháp xử lý	Đơn vị xử lý
chất)				
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	25	08 02 04	Tiêu hủy tại lò đốt, tro xỉ hóa rắn	
Nước thải có các thành phần nguy hại (Nước tẩy rửa thải)	800	19 10 01	Xử lý tại hệ thống xử lý dung dịch chất tẩy rửa thải	
Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	800	07 03 11		
Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	6000	17 02 04	Xử lý tại hệ thống xử lý dầu thải	Công ty TNHH Văn Đạo

- Đã thực hiện thuê khoán đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật. Cụ thể Công ty đã ký hợp đồng số 0000082/2013/HĐCNDT ngày 01/03/2013 với công ty CP MTĐT&CN 10 -

URENCO 10 về việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp và đã ký hợp đồng xử lý dầu thải với công ty TNHH Văn Đạo theo hợp đồng số 171.13/HĐVD-DP là đơn vị có đầy đủ Giấy phép hành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Công ty đến địa điểm xử lý và tiêu hủy (Các hợp đồng này được đính kèm tại phụ lục của báo cáo)

- Thực hiện đúng quy trình kê khai và sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 12/2011/TT-BTNMT, trừ trường hợp tự xử lý CTNH nêu tại Điểm c Khoản 3 Điều 9 Thông tư 12/2011/TT-BTNMT

- Theo dõi, giám sát việc chuyển giao và xử lý CTNH căn cứ vào nội dung hợp đồng và chứng từ CTNH; lập sổ giao nhận CTNH để theo dõi loại, số lượng, mã CTNH, thời gian đơn vị tiếp nhận và xử lý CTNH của Công ty.

- Hàng năm Công ty lập báo cáo QLCTNH theo mẫu quy định của Thông tư 12/2011/TT-BTNMT với kỳ báo cáo 6 tháng (Báo cáo quản lý CTNH của chủ nguồn thải trong năm 2013 được đính kèm trong phụ lục của báo cáo).

3.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Sự cố về cháy nổ:

- Thành lập đội PCCC;
- Lắp đặt các hệ thống chống sét tại điểm cao nhất;
- Định kỳ 1 năm/lần mở các lớp tập huấn về chữa cháy cho cán bộ công nhân viên trong công ty;
- Trang bị các thiết bị chữa cháy được trang bị xung quanh khu nhà máy,

b. An toàn lao động

An toàn lao động và bảo vệ sức khỏe trong sản xuất là vấn đề rất cần thiết đối với doanh nghiệp và người lao động. Những biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động, các biện pháp bảo vệ sức khỏe và bệnh nghề nghiệp luôn được phổ biến rộng rãi cho toàn thể các cán bộ, nhân viên trong công ty.

c. Các biện pháp bảo vệ sức khỏe khác

- Nội quy an toàn lao động được phổ biến cho người lao động 1 lần/năm.
- Trang bị tủ thuốc y tế (bông, băng, thuốc sát trùng,...)

Khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên 01 lần/năm

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động Công ty sẽ cố gắng thường xuyên:

Bố trí chế độ làm việc, nghỉ ngơi và ăn uống hợp lý

Thường xuyên sử dụng thiết bị bảo hộ lao động khi nhà máy sản xuất

Thu gom chất thải gọn gàng và bố trí hợp lý.

4. Những thay đổi so với kế hoạch đã đề ra trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết

Những công trình biện pháp bảo vệ môi trường đã được xây dựng tại Công ty TNHH Daiwa Plastic Thăng Long không có gì thay đổi so với kế hoạch đã đề ra trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

5. Cam kết và đề nghị

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường cho công ty Daiwa Plastics Thăng Long./.

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu vp



Haruhiko Obitani
Tổng Giám Đốc

